

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

Số: 57/2017/QĐST-DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Châu Thành, ngày 05 tháng 9 năm 2017.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 8 năm 2017 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 109/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Bản Việt (Ngân hàng). Địa chỉ: Số 412, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng TMCP Bản Việt chi nhánh tại tỉnh Long An. Địa chỉ: Số 23-25B-Hùng Vương, Phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị T, Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ- Ngân hàng TMCP Bản Việt chi nhánh tại tỉnh Long An.

Bị đơn:

Ông Lê Ngọc T.

Bà Nguyễn Thị N.

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Văn P, sinh năm: 1948.

Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về số nợ vốn vay:* Hai bên thống nhất bà N và ông T còn nợ Ngân hàng số tiền vốn là 358.000.000 đồng và 652.607.632 đồng tiền lãi (lãi trong hạn 64.750.000 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 94.704.132 đồng, lãi quá hạn 493.153.500 đồng). Tổng cộng vốn vay và lãi là 1.010.607.632 đồng (một tỉ không trăm mười triệu sáu trăm lẻ bảy ngàn sáu trăm ba mươi hai đồng).

- *Về thời gian và phương thức thanh toán nợ:* Chậm nhất đến ngày 25/02/2018 bà N và ông T phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn là 358.000.000 đồng và 652.607.632 đồng tiền lãi (lãi trong hạn 64.750.000 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 94.704.132 đồng, lãi quá hạn 493.153.500 đồng). Tổng cộng vốn vay và lãi là

1.010.607.632 đồng (một tỉ không trăm mười triệu sáu trăm lẻ bảy ngàn sáu trăm ba mươi hai đồng).

Lãi phát sinh sau ngày 25/8/2017 tính theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T và bà N thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

Phần tài sản đảm bảo cho việc thế chấp bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 625009 (sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H 03708) do UBND huyện Châu Thành, tỉnh Long An cấp ngày 13/9/2005; Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 3142, tờ bản đồ số 03, diện tích 2000m²

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 510801 (sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00038) do UBND huyện Châu Thành, tỉnh Long An cấp ngày 02/4/2010; Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 2482, tờ bản đồ số 03, diện tích 1599m².

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 625010 (sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận H 03707) do UBND huyện Châu Thành, tỉnh Long An cấp ngày 13/9/2005; Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 465, tờ bản đồ số 06, diện tích 672m².

Các tài sản này thuộc sở hữu của ông T, theo Hợp đồng thế chấp bảo đảm nợ vay số TC.0022.12/QSDĐ ngày 11/6/2012, số công chứng 3607, Quyền số 04/2012/TP/CC-SCC/HĐGD và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Châu Thành. Phần tài sản đảm bảo cho việc thế chấp hợp đồng vay tiếp tục thực hiện đến khi ông T, bà N thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

- *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:* Các bên thỏa thuận ông T và bà N phải liên đới chịu là 1.200.000 đồng. Ngân hàng đã nộp xong, ông T và bà N phải liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng là 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, (quyết định) có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- *Về án phí:* Các bên thỏa thuận ông T và bà N chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.579.557 (mười triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm năm mươi bảy đồng), ông T và bà N đã được giảm án phí là 50% do có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương. Ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.400.000 đồng (hai mươi triệu bốn trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007713 ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

****Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Bảo Trí